TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **01**/2018/DS-ST
Ngày 11/01/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Huỳnh Tòa**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Ngọc Tọa**
  Ông Phạm Đình Thạch

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Mai Thị Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Đặng Hữu Phương -** Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2017/TLST - DS ngày 21/11/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXX - ST ngày 25/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Hoàng Thị Ng** – SN: 1972 (có mặt)
- *Bị đơn*: **Ông Lê Ngọc O** – SN: 1955 (có mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ **Bà Lê Thị Th** – SN: 1960 (có mặt)
+ **Ông Nguyễn Phước T** – SN: 1972 (ủy quyền cho bà Hoàng Thị Ng)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng trình này:*

Ngày 08/02/2016 (âm lịch) tức ngày 17/3/2016 (dương lịch) vợ chồng ông Lê Ngọc O, bà Lê Thị Th hỏi vay tôi số tiền là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng để làm nhà ở. Tôi và ông O có viết giấy vay tiền trong đó thể hiện số tiền tôi cho ông O, bà Th vay là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả vào mùa tiêu tức khoảng tháng 01/2017. Khoảng tháng 3/2017 bà Th sang nhà tôi trả cho tôi số tiền nợ gốc là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, còn nợ gốc là 60.000.000 đồng chưa trả cho tôi, đối với tiền nợ lãi ông O, bà Th chưa trả cho tôi số tiền nào. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông O, bà Th trả cho tôi số tiền nợ gốc còn lại là 60.000.000 đồng. Đối với tiền nợ lãi tôi không có yêu cầu gì.

** Phần trình bày của bị đơn ông Lê Ngọc O:*

Ngày 08/02/2016 (âm lịch) tôi và vợ là Lê Thị Th có vay của cô Hoàng Thị Ng số tiền là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng để làm nhà. Khi vay tôi có viết giấy vay tiền, trong đó thể hiện vợ chồng tôi vay cô Nglà 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả vào mùa tiêu tức khoảng tháng 01/2017. Đến tháng 3/2017 (không nhớ rõ ngày cụ thể) vợ tôi là cô Th trực tiếp sang nhà cô Ng trả cho cô Ng toàn bộ số tiền nợ gốc là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng, chưa trả được số tiền nợ lãi nào. Do chưa trả được nợ lãi nên vợ tôi là cô Th chỉ viết vào sổ của cô Ng là đã trả số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng chứ chưa lấy được giấy vay tiền đề ngày 08/02/2016 (âm lịch) về. Nay cô Ng cho rằng vợ chồng tôi mới chỉ trả được 70.000.000 đồng nợ gốc và yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền nợ gốc còn lại là 60.000.000 đồng thì tôi không đồng ý vì nợ gốc 130.000.000 đồng vợ chồng tôi đã trả đủ cho cô Ng.

**Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th:*

Tôi thống nhất phần trình bày của bị đơn ông O. Ngày 08/02/2016 (âm lịch) vợ chồng tôi có vay của cô Hoàng Thị Ng số tiền là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng để làm nhà. Hẹn trả vào mùa tiêu tức khoảng tháng 01/2017 trả; lãi suất là 3%/tháng. Ngày 03/3/2017 (âm lịch) tôi trực tiếp sang nhà cô Ng trả cho cô Ng toàn bộ số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi tôi chưa trả nên tôi có viết vào sổ cô Ng là tôi trả số tiền là 130.000.000 đồng nợ gốc. Nay cô Ng cho rằng vợ chồng tôi còn nợ gốc số tiền 60.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng tôi trả thì tôi không đồng ý vì tôi đã trả đủ số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng.

**Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước T:*

Tôi là chồng của nguyên đơn cô Ng, ngày 08/02/2016 (âm lịch) khi tôi đi làm về thì nghe vợ tôi là cô Ng nói có cho ông Lê Ngọc O và vợ là bà Lê Thị Th vay số tiền là 130.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay tiền, trong đó thể hiện lãi suất 3%/tháng. Thời hạn trả là vào mùa tiêu khoảng 12/2016 trả đủ tiền.

Số tiền 130 triệu đồng vợ tôi là cô Ng cho ông O, bà Th vay là tài sản chung của tôi và cô Ng. Khoảng tháng 12/2016 bà Th trực tiếp mang số tiền là 70.000.000 đồng sang nhà tôi trả cho vợ tôi là cô Ng, còn nợ lại số tiền gốc 60.000.000 đồng. Ông O, bà Th còn nợ vợ chồng tôi số tiền gốc là 60 triệu đồng. Tôi thống nhất yêu cầu của nguyên đơn cô Ng buộc ông O và bà Th liên đới trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc là 60 triệu đồng. Về lãi suất tôi không có yêu cầu gì.

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về thủ tục tại phiên tòa: HĐXX đã thực đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa.

Về vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản có cơ sở nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc 60.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 giấy vay tiền đề ngày 08/02/2016 (âm lịch), 01 biên bản hòa giải tranh chấp tại UBND xã Đ, huyện Bù Gia Mập ngày 25/10/2017.

Bị đơn ông Lê Ngọc O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Phước T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa qua phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng thực hiện quyền khởi kiện. Do bị đơn ông Lê Ngọc O cư trú tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh B. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và đã xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng cho rằng: Ngày 08/02/2016 (âm lịch) vợ chồng ông Lê Ngọc O, bà Lê Thị Th vay của bà Ng số tiền là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng để làm nhà ở, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn trả vào mùa tiêu tức khoảng tháng 01/2017. Khoảng tháng 3/2017 bà Th sang nhà trả cho bà Ng số tiền nợ gốc là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, còn nợ gốc là 60.000.000 đồng chưa trả, khi trả hai bên chỉ nói miệng chứ không lập giấy tờ gì và không có ai làm chứng.

Phần trình bày của bà Ng về hợp đồng vay ngày 08/02/2016 (âm lịch) là phù hợp với chứng cứ bà Ng đã cung cấp cho Tòa án là giấy vay tiền ngày 08/02/2016 (âm lịch) giữa bà Ng với vợ chồng ông O, bà Th cùng như phần trình bày của bị đơn ông O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th về hợp đồng vay tiền ngày 08/02/2016 (âm lịch) nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Xét phần trình bày của bị đơn ông O cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Th cho rằng ông O và bà Th đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng theo giấy vay ngày 08/02/2016 (âm lịch) vào ngày 03/3/2017 (âm lịch), tuy nhiên phần trình bày của ông O, bà Th không được nguyên đơn bà Ng đồng ý, ông O và bà Th cũng không cung cấp được giấy tờ hay chứng cứ gì chứng minh cho phần trình bày của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Ngày 08/02/2016 (âm lịch) bà Hoàng Thị Ng có cho ông Lê Ngoc O và vợ là bà Lê Thị Th vay số tiền là 130.000.000 đồng, hẹn trả vào khoảng tháng 01/2017, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Ngày 03/3/2017 (âm lịch) ông O, bà Th đã trả cho bà Ng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng. Do vậy nguyên đơn bà Ng yêu cầu ông O và bà Th liên đới trả số tiền nợ gốc còn lại là 60.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với số tiền lãi suất do nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng không yêu cầu tính lãi suất, xét đây là sự tự định đoạt của đương sự phù hợp với quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

[5]*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Lê Ngọc O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí số tiền là: 60.000.000đ x 5% = 3.000.000 đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng.

Buộc ông Lê Ngọc O và bà Lê Thị th có trách nhiệm liên đới phải trả cho bà Hoàng Thị Ng số tiền nợ gốc là: 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng không yêu cầu tính lãi suất.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Ngọc O và bà Lê Thị Th phải chịu số tiền là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Bà Hoàng Thị Ng và ông Nguyễn Phước T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0018101 ngày 21/11/2017.

(Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.)

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND , VKSND tỉnh;
- CC THADS H.BGM;
- VKSND H.BGM;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Tòa